

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 215/2020/DS-ST

Ngày: 30-06-2020

V/v hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Vạn

2- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Bá P**, sinh năm: 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh Thị Ngọc H**, sinh năm: 1997. Địa chỉ: huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền lập tại Văn phòng Công chứng An Lạc ; số E6/12 Nguyễn Hữu Trí, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh ; Số công chứng: 005552, quyền số: 06/2019/HĐGD-CCAL ngày 19/6/2019).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm: 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã T huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày như sau:

Vào ngày 06/04/2019 bà Nguyễn Thị G có mượn ông Lê Bá P số tiền 4.000.000 đồng và 2.000USD (tạm tính khoảng 46.00.000 đồng). Tổng cộng tạm tính số tiền mượn quy thành tiền đồng Việt Nam là 50.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 tháng. Đến hạn, ông P yêu cầu bà G trả số tiền nêu trên, bà G

chỉ trả cho ông P 5.000.000 đồng và trốn tránh không trả tiền tiếp cho ông P. Nay ông P yêu cầu bà Nguyễn Thị G trả số tiền còn lại 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án tổng đạt tại nơi cư trú của bà Nguyễn Thị G địa chỉ: xã T huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà G vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị G vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá P. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lê Bá P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu bà Nguyễn Thị G trả số tiền 4.000.000 đồng và 2.000 USD (Hai ngàn Đô la Mỹ, tạm tính thành tiền Việt Nam là 46.00.000 đồng). Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Theo giấy mượn tiền ngày 06/4/2019 bà Nguyễn Thị G xác nhận địa chỉ cư trú tại số xã T huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của công an xã Phong Phú gửi cho Tòa án có nội dung: “ Đương sự Nguyễn Thị G, sinh năm: 1969 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại đương sự Nguyễn Thị G không còn cư ngụ tại địa phương từ tháng 10/2018 cho đến nay, đi đâu không rõ”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn được xác

định là cư trú tại huyện Bình Chánh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[3] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Huỳnh Thị Ngọc H nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng và được Tòa án chấp nhận. Bị đơn – bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng bà Nguyễn Thị G vắng mặt không lý do tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định là phiên tòa dân sự sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[4] Do giao dịch dân sự giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 làm cơ sở giải quyết.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[5] Nguyên đơn – ông Nguyễn Bá P yêu cầu bị đơn – bà Nguyễn Thị G trả số tiền vay mượn còn thiếu là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Bị đơn - bà Nguyễn Thị G vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, cho nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu trình bày của mình tại Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố một phần hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm đối với số tiền 2.000 USD đồng thời giải quyết hậu quả của phần giao dịch bị vô hiệu ; chấp nhận Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá P. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả khoản tiền vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) thì đây là hợp đồng vay không có thỏa thuận tiền lãi. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[9] Đối với khoản tiền 2.000 USD (hai ngàn đô la mỹ) là giao dịch bằng ngoại tệ. Hội đồng xét xử xét thấy các giao dịch giữa các cá nhân về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam là trái với quy định tại Điều 22 Pháp lệnh 28/2005/PL-UBTVQH11 về ngoại hối của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 11 ngày 13/12/2005 được sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh số 06 ngày 18/3/2013, do hai bên không thuộc đối tượng được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự. Vì

vậy giao dịch ngày 06/4/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn bị vô hiệu một phần do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 123, Điều 130 Bộ luật dân sự năm 2015.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú của mình mà không để lại thông tin địa chỉ mới khi chuyển chỗ ở khác, làm cho người khởi kiện không biết, nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với người khởi kiện. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.000USD (Hai ngàn đô la Mỹ) theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử là 23.000 đồng/USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam tương ứng số tiền là 46.000.000 đồng (01 Đô la Mỹ = 23.000 đồng Việt Nam). Đại diện cho nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả 5.000.000 đồng cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu là 45.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.
- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 123, Điều 130, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh 28/2005/PL-UBTVQH11 về ngoại hối của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 11 ngày 13/12/2005 được sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh số 06 ngày 18/3/2013.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá P đối với bà Nguyễn Thị G.

- Buộc bà Nguyễn Thị G trả cho ông Lê Bá P số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giấy mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị G và ông Lê Bá P lập ngày 06/04/2019 không còn giá trị.

- Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị G chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì bà Nguyễn Thị G còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Bá P là 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002452 ngày 11/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ôn Kim Chi